

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
SEP**

NĂM 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Các cổ đông

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200042556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13/05/2020

- Vốn điều lệ: 84.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.570.332.716 đồng
- Địa chỉ: Số 01 Phan Bội Châu, Đông Hà, Quảng Trị
- Số điện thoại: 02333851151; Số fax: 02333.852.695
- Website: sepon.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): SEP

- Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày thành lập: Năm 1973

Thời điểm giao dịch:

Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- Tháng 5/1973: Thành lập Đại lý Bách hoá Thực phẩm Quảng Trị;
- Năm 1974: Nâng cấp thành Công ty Bách hoá Thực phẩm Quảng Trị;
- Năm 1977: Thành lập Công ty Thương nghiệp Đông Hà;

- Năm 1992: Thành lập Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quảng Trị;
- Tháng 1/1993: Hợp nhất Công ty Thương nghiệp Đông Hà và Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quảng Trị, thành lập Công ty Thương mại Quảng Trị;
- Tháng 4/1995: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Q.Trị tại TP Hồ Chí Minh;
- Tháng 11/1999: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị tại Khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo;
- Tháng 12/2003: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Xi nghiệp Thương - mại Việt Lào, nay đổi thành Chi nhánh XNK SEPON;
- Tháng 3/2004: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Nhà máy Tinh bột sản Hương Hoá;
- Ngày 21/3/2004: Sản xuất thành công Tinh bột sản nhãn hiệu SEPON;
- Tháng 7/2004: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Khách sạn SEPON;
- Tháng 6/2006: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Trung tâm lữ hành SEPON;
- Tháng 4/2009: chuyển đổi thành Công ty Cổ phần lữ hành SEPON;
- Tháng 10/2006: Chuyển đổi thành C.ty TNHH MTV Thương mại Quang Trị;
- Tháng 7/2008: Thành lập Trung tâm thương mại ATúc;
- Năm 2009: Xây dựng Trung tâm dịch vụ Làng Vây;
- Tháng 2/2009: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị tại An Giang;
- Tháng 3/2010: Thành lập Trung tâm thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp;
- Tháng 4/2011: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị - Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà;
- Tháng 8/2012: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị - Nhà máy Chế biến mù cao su Cam Lộ;
- Tháng 5/2014: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị- Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ;
- Tháng 12/2014: Chuyển đổi Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị sang Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị theo quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty

TNHH MTV TM Quảng Trị thành Công ty cổ phần;

- Tháng 4/2015: Thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị - Trung tâm dịch vụ du lịch Cửa Việt.

- Ngày 16/11/2017 : Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị chính thức trở thành Công ty đại chúng.

- Ngày 03/10/2019.: Công ty thoái vốn nhà nước 2.400.000 cổ phiếu, giảm tỷ lệ nhà nước xuống còn 22,6%.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh tinh bột sắn, cao su, viên gỗ nén

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng tiêu dùng;
- + Sản xuất và xuất khẩu Tinh bột sắn và các mặt hàng nông sản khác;
- + Dịch vụ nhà hàng, khách sạn và lữ hành, nghỉ dưỡng;
- + Chế biến mù cao su, sản xuất viên nén năng lượng.

- Sản phẩm dịch vụ:

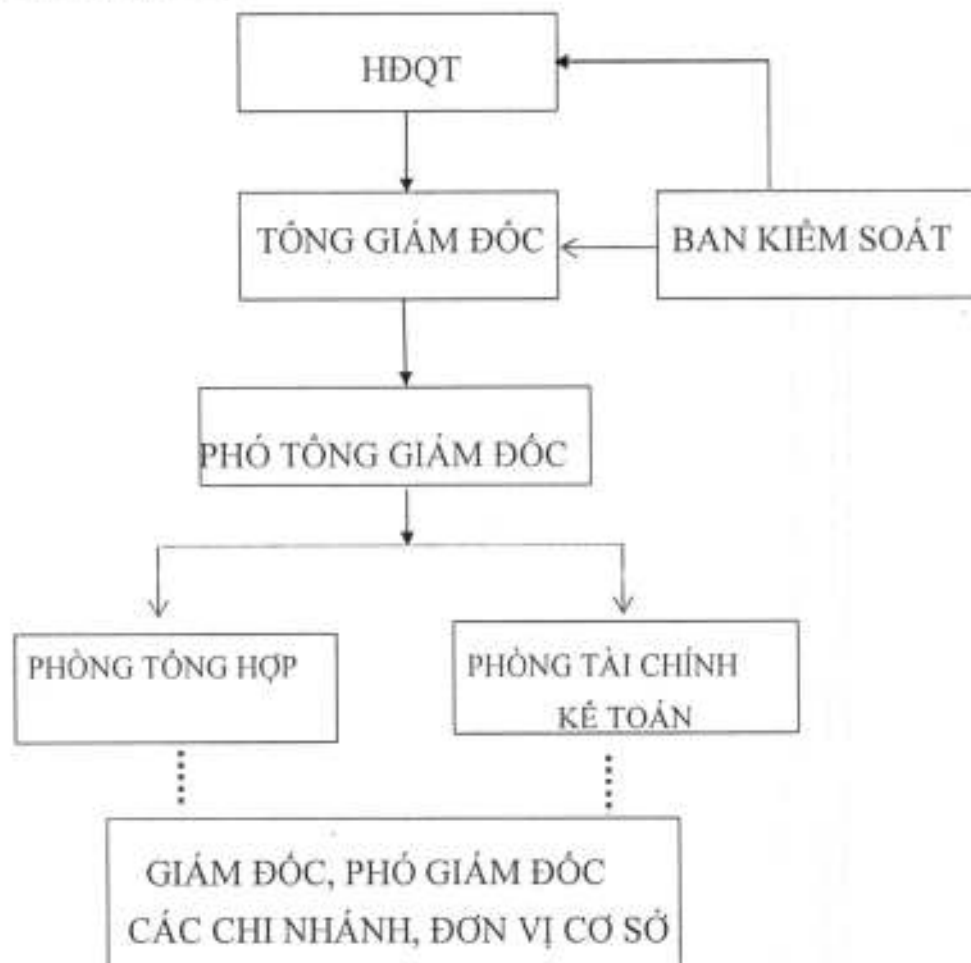
- + Hàng tiêu dùng Thái Lan (Nhựa, hoá mỹ phẩm, ..).
- + Tinh bột sắn, hồ tiêu, cao su, viên nén năng lượng.
- + Dịch vụ lưu trú, nhà hàng, nghỉ dưỡng, lữ hành nội địa, quốc tế;
- + Cao su, Viên nén năng lượng,

- **Địa bàn kinh doanh** : Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Lào...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty, trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc tổ chức điều hành, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Phó Tổng Giám đốc:

Phó Tổng Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ do Tổng Giám đốc phân công.

- Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 5 năm. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cổ đông Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình như: Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

- Phòng Tài chính - Kế toán:

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc trong các lĩnh vực Tài chính, Kế toán, quản lý tài sản, quản lý vốn, kiểm soát chi phí hoạt động của Công ty.

- Theo dõi phân tích và phản ánh tình hình biến động tài sản, nguồn vốn tại Công ty và các đơn vị cơ sở, cung cấp thông tin về tài chính, kinh tế cho Tổng giám đốc trong công tác điều hành và hoạch định sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch SXKD và đầu tư của Công ty trong ngắn hạn và dài hạn, quản lý tài sản nguồn vốn và các nguồn lực kinh tế theo quy định của Nhà nước.

- Thực hiện công tác hoạch toán kế toán, thống kê theo Luật kế toán, thống kê và Điều lệ của Công ty, xác định và phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kết quả kiểm kê tài sản, nguồn vốn, thực hiện chế độ báo cáo tài chính, thống kê theo quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty.

- Lưu trữ, bảo quản chứng từ, sổ sách kế toán, bảo mật số liệu kế toán tài chính theo quy định và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc phân công.

- Phòng Tổng hợp:

- Tham mưu cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách bảo hiểm, lương, thưởng, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, tuyển dụng, điều phối lao động, qly nguồn nhân lực.

- Giải quyết kịp thời các chế độ chính sách, kiểm tra đôn đốc tất cả CBCNV lao

động thực hiện nghiêm nội quy, quy chế của Công ty, theo dõi công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật của Công ty.

- Quản lý công tác ATVSLĐ, PCCC, Phòng chống bảo lụt, Tổ chức các Hội nghị khánh tiết của Công ty.

- Tiếp nhận các thông tin từ bên ngoài đến Công ty, xử lý các thông tin theo chức năng và thẩm quyền, soạn thảo và trình Tổng giám đốc ký các văn bản đối nội, đối ngoại và chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bản đó.

- Phát hành, lưu trữ, bảo mật con dấu và các tài liệu của Công ty đảm bảo chính xác, kịp thời và an toàn.

- Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn nội bộ trong toàn Công ty.

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Ban lãnh đạo phân công.

*** Công ty có các chi nhánh như sau:**

STT	CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
1	Nhà máy Tinh bột sắn Hướng Hoá	Xã Thuận, Hướng Hóa, Quảng Trị	Thu mua, chế biến sản xuất và xuất khẩu: Tinh bột sắn, phân vi sinh, bã sắn
2	Khách sạn SEPON	Khu KTTMĐB Lao Bảo, Thị trấn Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị.	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, lữ hành quốc tế, nội địa
3	Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà	Khu CN Nam Đông Hà, TP Đông Hà, Quảng Trị	Thu mua, sản xuất, kinh doanh các mặt hàng nông sản: tiêu, gạo, trà các loại, lạc, bã sắn, thức ăn chăn nuôi.
4	Nhà máy Chế biến mũ cao su Cam Lộ	Xã Minh Chính, Huyện Cam Lộ, Quảng Trị	Thu mua chế biến sản xuất và kinh doanh mặt hàng cao su SVR10, SVR3L
5	Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ	Cụm Công nghiệp Cam Hiếu, Cam Lộ, Quảng Trị	Thu mua sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ: viên nén, gỗ ép, gỗ ghép thanh, gỗ sấy, ương giống cung cấp cho dự án trồng rừng FSC

6	Trung tâm dịch vụ du lịch Cửa Việt:	Khu nghỉ dưỡng SePon resort, Thị trấn Cửa Việt, Gio Linh, Quảng Trị.	Dịch vụ nhà hàng, nghỉ dưỡng, tổ chức các sự kiện...
7	Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh	7/1 Linh Đông, Phường Linh Đông, TP. Thủ Đức, TP.HCM	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc
8	Chi nhánh Công ty tại Khu Kinh tế TMĐB Lao Bảo	Thị trấn Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc
9	Chi nhánh XNK SEPON	Tầng 2, Tòa nhà 01 Phan Bội Châu, Đông Hà, Quảng Trị	Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, gỗ, cao su, kinh doanh xăng dầu các loại
10	Chi nhánh Công ty tại An Giang	Tòa nhà Tầng 1, số 7/1 Linh Đông, Phường Linh Đông, TP.Thủ Đức, TP HCM.	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc...
11	Chi nhánh Xuất nhập khẩu Toàn Cầu	Tầng 3, Tòa nhà 01 Phan Bội Châu, Đông Hà, Quảng Trị	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc

- Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị, định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ du lịch gắn liền với nông nghiệp, nông thôn và nông dân, thúc đẩy sự phát triển các vùng nông thôn, miền núi.

- Xây dựng và phát triển các nhà máy sản xuất chế biến tinh bột sắn, cao su, viên gỗ nén, phân vi sinh và sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc hướng đến mục tiêu tái đầu

tư cho sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất, giá trị và chất lượng nông sản.

- Mở rộng sản xuất kinh doanh sang các nước bạn Lào, Thái Lan và Trung Quốc...; khai thác có hiệu quả lợi thế, tiềm năng về du lịch, dịch vụ trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây.

** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

- Xây dựng chiến lược kinh doanh đầu tư phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, tìm kiếm, mở rộng thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược, từng bước đưa Công ty phát triển và tăng trưởng ổn định, bền vững.

- Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Tập trung khai thác, phát triển, đầu tư công nghệ mới để tăng tính cạnh tranh, tăng doanh thu. Đẩy nhanh tốc độ đầu tư hoàn thiện các dự án của Công ty, mở rộng địa bàn hoạt động, khai thác và tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế về kinh doanh xuất nhập khẩu, tiêu thụ, cung ứng, bao tiêu để đa dạng hóa ngành nghề.

- Đảm bảo nhân sự của Công ty hoạt động đồng bộ và làm việc hiệu quả. Khuyến khích người lao động tham gia sáng tạo trong SXKD, đưa nhiều ý tưởng, sáng kiến hay cách làm mới để tiết giảm chi phí, tiết kiệm nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Tập trung tìm hiểu thị trường, đối tác, nghiên cứu đổi mới hoạt động, ngành nghề phù hợp với lợi thế hiện có của Công ty. Tiếp tục duy trì hoạt động hiện nay ổn định, đảm bảo tăng mức thu nhập cho cán bộ công nhân viên lao động.

- Kiểm soát chi phí, tiết kiệm chi tiêu đảm bảo hiệu quả sản xuất và kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường hội nhập, mở rộng bạn hàng, đối tác, chuyển hướng thị trường sang các nước Hàn Quốc, Philipin, Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Campuchia, Mỹ và các nước Châu Âu để giảm sự lệ thuộc thị trường Trung Quốc.

** Các mục tiêu phát triển bền vững:*

- Cùng cố và duy trì tốt các mặt hàng, nguồn hàng, ngành hàng và tìm thị trường đầu ra ổn định hơn cho các sản phẩm của Công ty sản xuất và kinh doanh.

- Kế thừa và phát huy tốt hơn thị trường, bạn hàng truyền thống của Công ty, đầu tư sâu vào các sản phẩm để nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm cạnh tranh.

- Chú trọng nhiều hơn việc sản xuất các sản phẩm sạch và giữ gìn tốt vệ sinh môi trường, quy hoạch các vùng nguyên liệu để ổn định sản xuất lâu dài cho các nhà máy.

- Đầu tư nhiều hơn cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân, nhất là các sản phẩm của tỉnh nhà đã được thị trường trong và ngoài nước biết đến như: Tiêu Cù, Tinh bột sắn, Cao su, viên nén, sản phẩm gỗ có chứng FSC...

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh phải vừa đảm bảo được mục tiêu phát triển vừa bảo vệ được môi trường, cũng như đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu vùng xa.

- Mở rộng các văn phòng đại diện trong và ngoài nước để hỗ trợ các mục tiêu chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Ổn định đời sống, công ăn việc làm và tăng thu nhập ngày càng cao cho CBCNV và người lao động.

5. Các rủi ro:

- Tình hình chính trị kinh tế thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, dịch bệnh trong chăn nuôi, biến đổi khí hậu, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung làm cho kinh tế bị suy giảm mạnh, phục hồi chậm, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Môi trường kinh doanh không thuận lợi, sức mua thấp, giá cả không ổn định, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty cụ thể:

+ Thị trường nông sản bấp bênh không ổn định, phụ thuộc;

+ Giá cao su biến động thường giảm sâu. Giá viên nén vẫn còn thấp.

+ Hàng giả, hàng nhái, hàng lậu tràn lan thị trường, chưa được kiểm soát tốt. Nhiều đơn vị tư nhân kinh doanh cùng mặt hàng mở ra trên cùng địa bàn nên gây khó khăn cho Công ty trong chiến lược nhập khẩu, sản xuất và tiêu thụ hàng hóa;

+ Chính sách chuyển đổi cây trồng của các địa phương đã ảnh hưởng đến diện tích và sản lượng thu mua sắn, cao su, rừng FSC của các nhà máy.

+ Tình hình thiên tai, lũ lụt như năm vừa qua tại các tỉnh miền trung đã ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất của bà con và thu mua nguyên liệu của các nhà máy;

+ Tình hình dịch bệnh viêm phổi cấp Covid -19 ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động thu mua, sản xuất và thị trường xuất khẩu các sản phẩm chủ lực như cao su, tinh bột sắn, viên nén gỗ..., đặc biệt là kinh doanh dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng của Công ty ảnh hưởng nhiều đến việc làm, thu nhập của người lao động.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

***Về các hoạt động sản xuất, chế biến:**

a. Sản xuất tại Nhà máy Tinh bột sắn Hương Hóa:

Trong năm, nhà máy Tinh bột sắn đã sản xuất được 46.747 tấn tinh bột/kế hoạch 45.870 tấn tinh bột, đạt 102 % kế hoạch; tăng 5.153 tấn so với thực hiện

năm 2019; Sản xuất bà sản đạt 10.006 tấn/kế hoạch 12.000 tấn, tổng doanh thu nhà máy 451.951 tỷ đồng. Mặc dầu một số chỉ tiêu thực hiện không đạt theo kế hoạch Công ty giao, nhưng so với các đơn vị cùng ngành hàng trong nước, trong tính thì kết quả hoạt động của nhà máy có sự vượt trội hơn, đặc biệt là sản lượng tăng do nguồn nguyên liệu sẵn dồi dào, giá bán cao đã nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà máy Tinh bột sắn;

Về sản xuất phân vi sinh. Trong năm đã sản xuất được 656 tấn/kế hoạch 1.000 tấn. Năm qua nhà máy tiếp tục cơ cấu lại bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất, đầu tư thiết bị, cải thiện chất lượng, phát triển mẫu mã mới, tích cực vận động bà con bón phân, mở rộng đại lý bán cho các hợp tác xã nông nghiệp, các nông trường, tìm kiếm thị trường đầu ra, nhưng mặt hàng này luôn có sự cạnh tranh mạnh với các sản phẩm truyền thống cùng loại. Nhà máy cũng đã nghiên cứu thử nghiệm để phân bón không những bón cho cây sắn mà cả cây lúa.

b. Chế biến tại Nhà máy CB mù cao su:

Trong năm 2020 giá cao su thế giới vẫn tiếp tục biến động, diễn biến khó lường, nguồn nguyên liệu vẫn tiếp tục thiếu hụt, sự cạnh tranh khốc liệt của các nhà máy về vùng nguyên liệu, thị trường đầu ra. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng rất lớn và tình hình xuất khẩu cao su vào thị trường Trung Quốc. Bên cạnh đó là bộ máy lãnh đạo có sự thay đổi. Đứng trước thách thức đó, với sự nỗ lực của tập thể CBCNV nhà máy, sự thay đổi trong cách điều hành quản lý của Ban giám đốc Nhà máy, sự chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo Công ty, Nhà máy đã đạt một số chỉ tiêu, cụ thể: đã thu mua, gia công sản xuất được 5.661 tấn, trong đó gia công 630 tấn, mua bán hàng thương mại được 1.491 tấn đạt 135% so với kế hoạch 1.100 tấn, doanh thu đạt 194,3 tỷ đồng, đạt 169% kế hoạch, góp phần cùng Cty hoàn thành các chỉ tiêu đề ra;

c. Sản xuất tại Nhà máy viên nén năng lượng:

Hoạt động SXKD của Nhà máy viên năng lượng năm 2020 đã có những cải thiện đáng kể, máy móc thiết bị đồng bộ, hoạt động ổn định, sản lượng, doanh thu tăng, chất lượng sản phẩm tốt, đáp ứng yêu cầu thị trường, tuy nhiên vẫn gặp khó khăn do giá nguyên liệu, thành phẩm, thị trường đầu vào cao, giá đầu ra không ổn định, các đơn hàng gỗ xẻ xuất bán chậm do dịch; Kết quả năm 2020. sản xuất: 10.180 tấn viên gỗ nén/ kế hoạch 9.500 tấn đạt 107% KH; Gỗ xẻ chi tiết 2.109 m³ /KH 3.810 m³ đạt 55% KH. Doanh thu đạt 37,26 tỷ đồng/ kế hoạch 44,29 tỷ đồng đạt 84% so với KH.

d. Chế biến tại Nhà máy nông sản:

Trong năm qua, Nhà máy đã có nhiều cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao như: Bán hàng bình ổn giá trong dịp Tết và trong mùa dịch Covid, bán

hàng nông sản, dự trữ và cũng ứng hàng hóa phòng chống bảo lụt cho 2 huyện miền núi Đakrông và Hướng Hóa, tham gia các hoạt động chính trị như: Hội chợ, triển lãm... việc quảng bá nâng cao giá trị và tạo thương hiệu nông sản tinh nhà. Mặc dù vậy nhưng trong thu mua, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản cũng như sản xuất và tiêu thụ TACN chưa đạt như kỳ vọng, tuy thiết bị dây chuyền SXTACN đã ổn định hoạt động tốt nhưng vẫn chưa khai thác hết công suất do thị trường trong tỉnh chưa quen với sản phẩm mới nên sản xuất không nhiều, chỉ tập trung sản xuất thức ăn cho gà và vịt, sản lượng đầu ra thấp, đã ảnh hưởng đến chi phí giá thành sản xuất. Doanh thu thực hiện năm 2020 đạt 43 tỷ đồng/ kế hoạch 38 tỷ đồng đạt 113% KH, trong đó TACN thực hiện đạt 1.428 tấn/kế hoạch 1.500 tấn; hàng nông sản các loại 7.260 tấn /kế hoạch 5.402 tấn, chủ yếu là xuất bán bả sản sấy khô, tinh bột sắn. Năm 2020 Nhà máy đã hoàn thành vượt lợi nhuận kế hoạch Công ty giao, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần giữ vững uy tín và thương hiệu của Công ty, mục tiêu vì sự phát triển của nông nghiệp của tỉnh nhà.

*** Về hoạt động kinh doanh nhập khẩu:**

Các mặt hàng nhập khẩu từ Thái Lan được mở rộng phát triển về số lượng và chủng loại mới, tuy tỷ giá USD tăng ảnh hưởng đến giá bán tăng, có nhiều đối thủ cạnh tranh và tình trạng hàng giả hàng nhái ngày càng nhiều, nhưng do chất lượng hàng hóa tốt, có thương hiệu, nên Công ty đã tạo được mạng lưới rộng khắp trong cả nước, các mặt hàng này mang lại hiệu quả kinh doanh khá cao, hàng tồn kho ít. Doanh thu các mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu là: 151,3 tỷ đồng, góp phần tạo nên thương hiệu.

*** Về hoạt động dịch vụ - du lịch:**

Mặc dầu các hoạt động lĩnh vực nghỉ dưỡng, khách sạn thường xuyên thay đổi về phong cách phục vụ, món ăn, tạo thêm nhiều dịch vụ khác biệt nhưng do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid 19 trong bối cảnh chung của toàn thế giới. Doanh thu dịch vụ du lịch năm 2020 đạt gần 11,2 tỷ đồng;

- *Tình hình thực hiện so với kế hoạch:*

Chỉ tiêu	DVT	KH 2020	TH 2020	% hoàn thành KH
- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	850	867	102
- Nộp NS địa phương	Tỷ đồng	50	54	108
- Số lao động bình quân	Người	552	531	96
- Thu nhập Bqlđ/tháng	Tr.đồng	8,5	9,9	116
- Lợi nhuận	Tr. đồng	21.000	30.190	144

Năm nay, các chỉ tiêu kế hoạch đề ra đều đạt và vượt là do:

- Nguồn nguyên liệu sản xuất Tinh bột sản dôi dào, sản lượng tăng, tỷ lệ lợi nhuận trên tấn bột cao nên đạt hiệu quả;

- Các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ khoán và đã cố gắng nỗ lực để đạt và vượt kế hoạch Công ty giao khoán, doanh số tăng, lỗ giảm, chi phí tiết kiệm, góp phần cùng Công ty hoàn thành các chỉ tiêu trên.

- Hàng hóa của Công ty sản xuất và nhập khẩu có chất lượng tốt, có thương hiệu, uy tín, nên Công ty đã tạo được mạng lưới rộng khắp trong cả nước, các mặt hàng này mang lại hiệu quả kinh doanh khá cao, hàng tồn kho ít.

2. Tổ chức và nhân sự năm 2020

* Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm
1	Hồ Xuân Hiếu	15/09/1975	Thạc sỹ cơ khí chế tạo máy	11/05/2020
2	Lê Quang Nhật	09/04/1972	Cử nhân Anh văn Cử nhân kinh tế ngành QTKD	12/05/2020
3	Lê Văn Thế	15/01/1964	Cử nhân CB thủy sản	01/03/2020

* Kế toán trưởng:

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	31/12/1977	Thạc sỹ QTKD	01/03/2020

*** Sơ yếu lý lịch của Ban điều hành:**

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.1	Hồ Xuân Hiếu	009C113941	Chủ tịch HĐQT	197018909 15/07/2014 C.A. Quảng Trị	Phường Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị	1.870.422	22,27%	Số cổ phần sở hữu đại diện nhà nước: 1.900.000
1.2	Lê Quang Nhật	009C136806	TGD	191289578 16/05/2019 CA.Quảng Trị	Đông Giang, Đông Hà, Quảng Trị	648.020	7,71%	0
1.3	Lê Văn Thế	009C136769	PTGD	190385452 (23/03/2018) CA.Quảng Trị	Đông Hà, Quảng Trị	65.416	0,77	0
1.4	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	009C136754	Kế toán trưởng	197056499 16/04/2012 C.A. Quảng Trị	20/1 Lê Lợi, Đông Hà, Quảng Trị	51.295	0,61%	0

*** Những thay đổi trong Ban điều hành:**

+ Ngày 01/03/2020: Ông Lê Văn Thế được HĐQT bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng giám đốc.

+ Ngày 01/03/2020: Bà Nguyễn Thị Hạnh Nguyên được HĐQT bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng.

+ Ngày 12/05/2020: HĐQT miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Ông Lê Quang Nhật, đồng thời bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc cho ông Lê Quang Nhật.

+ Ngày 15/05/2020: HĐQT ra quyết định chấm dứt HĐLĐ đối với ông Mai Chiếm An, có hiệu lực từ ngày 1/6/2020.

** Số lượng cán bộ, nhân viên đến thời điểm 31/12/2020:*

Phân loại	Số người	Tỷ trọng %
Tổng số lao động	531	100
<i>Trong đó:</i>		
1. Cán bộ nhân viên quản lý		
2. Theo trình độ		
1. Đại học và trên đại học	142	27
2. Cao đẳng	75	14
3. Trung cấp, sơ cấp, bằng nghề	136	26
4. Lao động phổ thông	178	33
3. Theo tính chất hợp đồng		
5. Hợp đồng lao động	481	90,5
6. Thử việc	50	9,5
4. Theo giới tính		
7. Nam	340	64
8. Nữ	191	36

** Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:*

+ Chế độ và điều kiện làm việc:

Thời gian làm việc: Số giờ làm việc trong tuần là 48giờ/tuần, số giờ làm việc trong ngày là 8giờ/ngày;

Được trang bị đầy đủ trang thiết bị, bảo hộ lao động theo đúng quy định và điều kiện đặc thù tại từng môi trường làm việc;

Thực hiện đúng theo quy định của bộ Luật Lao động và quy chế của cơ quan;

Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;

+ Chế độ nghỉ phép, lễ, tết:

Thực hiện đúng theo quy định của bộ Luật Lao động và quy chế của Công ty;

Hàng năm Công ty thực hiện chế độ nghỉ phép, lễ, tết cho người lao động theo quy định của bộ Luật Lao động và nội quy, thỏa ước lao động của Công ty;

+ Chính sách tiền lương:

Chế độ tiền lương được xây dựng trên cơ sở vận dụng các quy định hiện hành của Nhà nước và căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị và toàn Công ty để thực hiện, kết hợp với hiệu quả công việc, giá trị sản phẩm, vai trò, vị trí, trách nhiệm của người lao động, các yếu tố ảnh hưởng như: Mặt bằng thị trường lao động và thu nhập tại địa phương, hệ số trượt giá...

Quy chế trả lương đảm bảo sự công bằng, minh bạch, thực sự khuyến khích người lao động phát huy năng lực làm việc, đời sống và thu nhập của người lao động luôn được cải thiện;

Chính sách khen thưởng - kỷ luật kịp thời và hợp lý khuyến khích người lao động sáng tạo, nâng cao năng suất lao động.

Chế độ phúc lợi: Công ty đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng chế độ của Luật lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện các chế độ khác ưu tiên cho người lao động như: Tổ chức tham quan nghỉ dưỡng cho toàn thể CBCNVLĐ để tái tạo sức lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thăm hỏi kịp thời khi người lao động ốm, đau, hiếu, hỷ, thai sản, tử tuất...; tổ chức cho người lao động tham gia các phong trào, hội thi nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của Công ty và cấp trên phát động;

+ Chính sách tuyển dụng đào tạo:

Tuyển dụng: Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn nghiệp vụ tay nghề tùy theo yêu cầu công việc của từng phòng ban bộ phận, đơn vị cơ sở để Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể.

Đào tạo: Công ty ban hành quy chế tuyển dụng và đào tạo minh bạch, rõ ràng, trách nhiệm, với hình thức đào tạo tại chỗ, chuyên sâu, tạo điều kiện cho người lao động gắn học đi đôi với hành, phát huy năng lực bản thân, kỹ năng công việc;

Hàng năm Công ty tổ chức tập huấn, đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động trực tiếp, tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý để nâng cao công tác điều hành và quản trị rủi ro.

+ Các chính sách khác: Theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư một số máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất tinh bột sắn nhằm đảm bảo công suất hiện tại và tăng hiệu suất thu hồi giá trị 4,9 tỷ.

Đầu tư hệ thống Điện mặt trời mái nhà có tổng công suất 990KW tại Nhà máy

Sản, Nhà máy Cao su, Nhà máy VNL Cam Lộ nhằm sản xuất điện mặt trời phục vụ sản xuất và bán cho Công ty điện lực Quảng Trị với giá trị: 9,99 tỷ.

Mua thêm 01 Xe ô tô Mercedes Benz phục vụ cho hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ trị giá 2,6 tỷ.

Đầu tư mở rộng siêu thị Sepon, tổng mức đầu tư 6,4 tỷ đồng, đến thời điểm hiện tại chưa hoàn thành.

Đầu tư dự án nâng công suất Nhà máy Tinh bột sắn Hương Hóa với tổng mức đầu tư 45 tỷ đồng, đến thời điểm hiện tại chưa hoàn thành.

Đầu tư trái phiếu ngắn hạn tại Công ty cổ phần chứng khoán VPS với số lượng 320.000 trái phiếu tương ứng trị giá 32 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm/ %
Tổng giá trị tài sản	400.915.455.263	491.469.957.127	122,6
Doanh thu thuần	809.885.847.542	867.157.051.554	107,1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/	20.039.201.663	30.190.367.055	150,7
Lợi nhuận khác	-298.099.590	447.314.915	150,7
Lợi nhuận trước thuế	20.039.201.663	30.190.367.055	150,7
Lợi nhuận sau thuế	20.039.201.663	30.190.367.055	150,5
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20,27%	30,55%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,795	1,011
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,353	0,582

Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho		
Nợ ngắn hạn		
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,738	0,795
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,813	3,887
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/</i>	9,693	9,749
+ Vòng quay hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		
+ Vòng quay tổng tài Sản:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	2,009	1,943
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>	0,025	0,035
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,191	0,3
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,061
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,025	0,034

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

a, Cổ phần:

+ Tổng số cổ phần lưu hành : 8.400.000 CP

+ Loại cổ phần : phổ thông

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 7.460.220 cổ phần

+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng có điều kiện theo cam kết làm việc theo năm công tác tại điều 48 ND 59/2011/ND-CP (hạn chế 10 năm theo giấy đăng ký của CBCNV tại thời điểm Cổ phần hóa): 939.780 CP.

b) Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2020 :

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước		8.400.000	84.000.000.000	100%
	- Cá nhân		6.500.000	65.000.000.000	77,38%
	- Tổ chức	1	1.900.000	19.000.000.000	22,62%
2	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0%
	- Cá nhân	0	0	0	0%
	- Tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng:			8.400.000	84.000.000.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp (không)

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính (không)

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 467.648.805.309 đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

TT	DANH MỤC	ĐVT	TIÊU THỤ 2020
	Trực tiếp		
1	Than đá	Tấn	2.152
2	Điện	KWh	15.606.627

3	Dầu Diezen, xăng	Lít	133.282
	Gián tiếp		
4	Điện	KWh	167.172

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Trong năm, công ty đã đầu tư Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại các đơn vị trực thuộc.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị, giá trị: 216.146.330đ

Lượng nước trong năm sử dụng để sản xuất là từ nước sông và nguồn nước giếng khoan tại các nhà máy: 407.946m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động bình quân: 531 người, mức lương trung bình đối với người lao động: 9,9 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Chế độ ốm đau, thai sản, tử tuất, trợ cấp mất thời việc được thực hiện đầy đủ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty tổ chức tập huấn, đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động trực tiếp, tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý để nâng cao công tác điều hành và quản trị rủi ro, tổ chức cho CBCNV tham quan học hỏi tại các nhà máy, tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước để tái tạo sức lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, giải quyết các chế độ cho người lao động kịp thời, chính xác... Đặc biệt đã thành lập Ban ATLD và kiện toàn bộ máy để đảm bảo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác. Bên cạnh đó công ty thành lập quỹ tình thương SEPON, nhiệm kỳ qua đã hỗ trợ 2 trường hợp có hoàn cảnh khó

khăn sửa chữa nhà cửa...

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Các đoàn thể tham gia tích cực các phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào làm từ thiện đóng góp ngày lương cho quỹ vì người nghèo, huy động đóng góp tiền lương hỗ trợ CBCNV của đơn vị xây nhà tình nghĩa, sửa chữa nhà hư hỏng. Đoàn thanh niên bán bình ỏn giá, phát cơm từ thiện, tổ chức trao thưởng cho trẻ em dịp trung thu, vệ sinh làm sạch môi trường, chăm sóc nghĩa trang...; Hỗ trợ cho 22 trường hợp có tử thân phụ mẫu mất (660 triệu), Công đoàn đã thành lập quỹ "Tấm lòng Sepon", Vận động "Nuôi heo đất trao tình yêu thương" thành lập "Quỹ cho con" và thành lập "ngân hàng máu sống", tổ chức các phong trào thi đua tuyên truyền các chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước có ý nghĩa và giá trị giáo dục đạo đức, truyền thống cao trong các đợt 20/10, 8/3, 2/9...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trước tình hình bão lụt xảy ra tại tỉnh Quảng Trị, Công ty đã tổ chức phục vụ cung ứng hàng hóa dự trữ trong đợt lũ lụt cho Hướng Hóa và Đakrong với số tiền 530 triệu đồng. Phối hợp với các nhà tài trợ hỗ trợ 123 suất quà bằng tiền cho người dân và các hộ bị ngập lụt nặng và tổ chức nhiều chuyến hỗ trợ bà con vùng lũ.

Chủ động và tham gia tích cực công tác phòng chống dịch Covid - 19 theo hướng dẫn chỉ đạo của Trung ương và địa phương; đảm bảo an toàn cho hoạt động;

Quỹ "Cho Con" được Công ty thành lập đã hỗ trợ dự kiến hàng năm cho 50 trường hợp trẻ mồ côi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn cho đến năm 18 tuổi.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng cho bà con các xã vùng Lia huyện Hướng Hóa.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2020 là năm thế giới cũng như nước ta chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch bệnh Covid-19. Hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng bị ảnh hưởng là rất lớn, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tác động đến xuất nhập khẩu hàng hóa; Giá bán các mặt hàng gỗ, TACN... giảm; sự cạnh tranh khốc liệt về nguyên liệu cao su, sắn, gỗ... thiếu nguyên liệu cung cấp đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất của các nhà máy; Bên cạnh đó sự cạnh tranh, hàng lậu, hàng giả tràn lan ảnh hưởng đến nhóm hàng nhập khẩu từ Thái Lan của Công ty.

Tuy nhiên với mục tiêu và nhiệm vụ được ĐHCĐ thường niên năm 2020 đề ra, Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực. Kết

quả đạt được các chỉ tiêu chính như : Doanh thu đạt 867 tỷ đồng (chưa bao gồm doanh thu nội bộ) đạt 102% so với kế hoạch, nộp ngân sách địa phương 54 tỷ, đạt 108% so với kế hoạch; thu nhập bình quân đạt 9,9 triệu/người/tháng đạt 116% so với KH, đặc biệt cổ tức 30,55%.

Để có những kết quả đó bên cạnh định hướng đúng, Công ty có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, CNV người lao động có trình độ và tâm huyết; chất lượng sản phẩm tốt, thương hiệu uy tín của công ty đã tạo được niềm tin cho khách hàng, mặt khác các hoạt động của Công ty luôn được sự ủng hộ rất lớn từ chính quyền địa phương nên thuận lợi trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1.Tài sản cố định hữu hình	441.869.422.230	176.247.009.517	265.622.412.713
Máy móc thiết bị	141.044.303.988	62.574.235.868	78.470.068.120
Nhà cửa	288.002.185.786	105.741.014.097	182.261.171.689
Phương tiện vận chuyển	12.417.623.456	7.533.109.150	4.884.514.306
Thiết bị dụng cụ quản lý	405.309.000	398.650.402	6.658.598
2.Tài sản cố định vô hình	15.741.600.000	477.000.000	15.264.600.000

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020 là: 169.376.390.962 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là : 24.814.136.376 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020 là: 15.264.600.000 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
Nợ ngắn hạn	148.716.731.164	202.120.152.832
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	119.127.504.433	149.395.653.005
Phải trả cho người bán	15.813.712.847	17.787.326.706
Người mua trả tiền trước	3.812.156.400	27.454.907.608
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	3.603.345.513	4.512.260.010
Phải trả người lao động	4.117.470.776	740.201.709
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.427.520.582	1.232.186.056
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	815.020.613	997.617.738
Nợ dài hạn	147.066.862.222	188.779.471.579
Phải trả dài hạn khác	657.655.298	1.876.250.120
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	146.409.206.924	186.903.221.459

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Khoản nợ hiện tại khá lớn tuy nhiên công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn. Những khoản nợ đều nằm trong thời hạn thanh toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2020, ĐHĐCĐ đã bầu 5 thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 03 thành viên. HĐQT cũng bầu chức danh Chủ tịch HĐQT. Ban kiểm soát bầu chức danh Trưởng ban kiểm soát.

Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và bổ nhiệm Chức danh Tổng giám đốc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021
- Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.000
- Nộp NS địa phương	tỷ đồng	55
- Thu nhập BQ người LĐ/tháng	Triệu đồng	10
- Lợi nhuận	Tỷ đồng	22
- Cổ tức	%	>20%

4.1. Về công tác sản xuất:

- Nghiên cứu, quyết tâm xây dựng các phương án để khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót còn tồn tại về công tác quản lý điều hành, về khai thác các tài sản, thiết bị máy móc đã đầu tư chưa sử dụng hết công suất để tránh lãng phí;

- Tiếp tục bổ sung đầu tư mua sắm, sửa chữa nâng cấp máy móc, thay đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại, cần thiết, cấp bách, kịp thời để tăng năng suất lao động, giảm nhân công, tăng số lượng và chất lượng sản phẩm, giảm tải sức lao động đối với các nhà máy trong toàn Công ty;

- Xây dựng các phương án mở rộng vùng nguyên liệu, đầu tư bài bản để cung cấp nguyên liệu lâu dài cho các hoạt động của các nhà máy hiện có;

- Làm tốt công tác phối hợp, liên kết giữa nông dân với Nhà máy, xây dựng vùng nguyên liệu bền vững, ổn định cho các nhà máy như: Sản, cao su, gỗ FSC;

- Khuyến khích bà con nông dân bón phân, thâm canh các cây trồng làm nguyên liệu cho các Nhà máy Tinh bột sản, cao su, nông sản, Viên Năng Lượng.

- Bố trí lao động và phương tiện hợp lý, quản lý sử dụng thiết bị chặt chẽ, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ phù hợp đảm bảo hoạt động tốt và nâng cao tuổi thọ của máy.

- Nghiên cứu và tận dụng dây chuyền tại nhà máy tinh bột sản Hướng Hóa để sản xuất tinh bột sản và đầu tư thêm thiết bị để sản xuất phân bón cho cây trồng (cây lúa) từ rác thải (vỏ gỗ) tại nhà máy sản, từ vỏ trấu, sản xuất phân hữu cơ;

- Nghiên cứu sản xuất lúa hữu cơ; Thành lập sản giao dịch lúa gạo, đồng thời nghiên cứu sản xuất các sản phẩm từ lúa gạo (bánh canh gạo, sữa gạo...).

4.2. Về kinh doanh XNK, thương mại, du lịch và dịch vụ:

- Duy trì và phát triển mạng lưới tiêu thụ tại các tỉnh thành trong cả nước, chú trọng cung cấp nguồn hàng ổn định cho các Siêu Thị lớn và các đối tác uy tín. Tìm kiếm mặt hàng mới khi Việt Nam gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới;

- Tìm kiếm các khách hàng, bạn hàng ổn định, thị trường mới trong và ngoài nước cho sản phẩm: Tinh bột sắn, Cao Su, viên nén, gỗ thành phẩm tinh chế, nâng cao chất lượng sản phẩm viên nén, thức ăn chăn nuôi...

- Tăng cường công tác thu mua chế biến hàng nông sản đối với những sản phẩm có hiệu quả, khả năng triển vọng phát triển bền vững lâu dài, đồng thời phát triển mạng lưới hàng nông sản do Công ty sản xuất vào các siêu thị.

- Nâng cao chất lượng phục vụ trong hoạt động khách sạn, nghỉ dưỡng để thu hút được khách hàng, nâng cao hiệu quả kinh tế và giữ vững uy tín thương hiệu. Tăng cường liên kết với các công ty du lịch, lữ hành trong và ngoài tỉnh để thu hút khách hàng. Năm bắt các sự kiện trong năm để có phương án kinh doanh phù hợp, tổ chức thêm nhiều sự kiện để thu hút khách tham gia.

4.3. Về đầu tư, XD/CB, sửa chữa, mua sắm:

- Tính toán, cân nhắc kỹ trong đầu tư xây dựng cơ bản, xây mới các công trình, ưu tiên nâng cấp, sửa chữa các hạng mục cấp thiết phục vụ cho hoạt động tại các đơn vị; Các thiết bị hư hỏng, xuống cấp, tính toán đầu tư công nghệ mới, áp dụng tự động hóa để tăng năng suất, hiệu quả, giảm tải lao động thủ công;

4.4. Về tài chính:

- Rà soát các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn, tìm kiếm, lựa chọn nguồn vốn vay có lãi suất thấp nhằm giảm thiểu chi phí tài chính, công khai minh bạch và quản lý chặt các khoản chi phí, củng cố và phát triển các mối quan hệ, huy động mọi nguồn lực bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;

- Tính toán lại, tìm nguồn tài chính, tiết giảm tối đa các khoản chi phí không cần thiết, trích lập các khoản dự phòng, các nguồn lãi thu được phân bổ dần để trả nợ vay dài hạn, dự phòng rủi ro có thể xảy ra;

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát phân tích kịp thời nhằm phát hiện những phát sinh, bất cập trong hoạt động SXKD, trong quản lý và sử dụng vốn để có giải pháp phù hợp, bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

4.5. Về nhân lực:

- Rà soát, bố trí sắp xếp cán bộ nhân viên trên cơ sở năng lực sở trường đúng với công việc nhằm phát huy năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, học hỏi kinh nghiệm nâng cao tay nghề, chất lượng nguồn nhân lực, có chế độ đãi ngộ thích hợp tạo động lực để giữ vững và thu hút nhân tài.

4.6. Về công tác khác:

- Tiếp tục chỉ đạo phân công thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Công ty giai đoạn

2 (phần còn lại 1,9 triệu cổ phần) theo chỉ đạo của Tỉnh và quy định của Chính phủ.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện An toàn vệ sinh lao động, PCCC, phòng chống thiên tai tại các đơn vị cơ sở, rà soát bổ sung quy chế chặt chẽ, để phòng ngừa hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản của Công ty;

- Tiếp tục giao quyền rộng cho các đơn vị. Công ty sẽ đáp ứng kịp thời về vốn, cơ sở vật chất, nhân sự, đối ngoại và pháp lý khi đơn vị có yêu cầu.

- Tiếp tục khoán toàn bộ các khoản chi phí từ khấu hao, lãi vay các loại bảo hiểm đến từng phòng ban, bộ phận, đơn vị cơ sở để đánh giá chính xác năng lực quản lý của người đứng đầu và hiệu quả hoạt động điều hành SXKD của từng đơn vị trực thuộc;

- Tranh thủ vốn đối ứng, các nguồn hỗ trợ vốn từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các dự án nước ngoài hỗ trợ trực tiếp, các quỹ trong nước.

- Duy trì và phát huy các phong trào thi đua, cải tiến phong trào sáng kiến: nâng cao ý thức về ATLĐ, PCCC, ATVSTP, thực hành tốt 5S trong toàn thể CBCNV.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (*tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):* Hàng năm CBCNV thường xuyên có những sáng kiến liên quan đến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho công ty hàng tỷ đồng.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Các chế độ tham quan nghỉ dưỡng, ốm đau hiếu hi được Công ty quan tâm đến tất cả CBCNV. Người lao động yên tâm công tác.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Đối với địa phương Công ty có nhiều hoạt động hỗ trợ bà con nghèo thông qua việc hỗ trợ các quỹ, tặng xe đạp, tặng ghế đá, xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ làm đường, làm hệ thống điện chiếu sáng, cho người dân vay vốn, ứng trước tiền bán sản...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2020 là năm có nhiều khó khăn thách thức của nền kinh tế thế giới do dịch bệnh Covid kéo dài làm ảnh hưởng đến các doanh nghiệp nói chung và hoạt động SXKD của Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị nói riêng, nhưng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và tập thể CB-CNV Công ty đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ đề ra, cải thiện lợi ích thiết

thực cho Người lao động và Quý cổ đông.

Năm 2020 Công ty đạt được các kết quả như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% Hoàn thành
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	850	867	102
2	Tổng Lợi nhuận	Tỷ đồng	21	30,190	144
3	Tỷ lệ Lợi nhuận trên vốn	%	25	36	

Để tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh góp phần bảo vệ môi trường Công ty đã đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời áp mái tại các nhà máy nhằm phục vụ trở lại hoạt động sản xuất của các nhà máy và giảm chi phí điện.

Đầu tư thêm dây chuyền sản xuất tinh bột sản công suất 60 tấn bột /ngày/đêm nâng Tổng công suất của nhà máy Tinh bột sản lên 330 tấn bột/ngày/đêm đem lại hiệu quả cao cho Cty, đã giải quyết tốt nguồn nguyên liệu đầu vào cho bà con nông dân.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

* HĐQT Công ty luôn theo dõi sát sao nắm bắt chỉ đạo kịp thời quá trình điều hành và kinh doanh, thông qua các báo cáo văn bản của Ban điều hành gửi HĐQT.

+ Trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Ban điều hành đã chấp hành đúng các quy định của các Bộ luật: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật lao động, Luật thuế, thực hiện đầy đủ các quy định theo điều lệ Công ty.

+ Ban Tổng giám đốc đã điều hành công tác sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đề ra đem lại lợi nhuận và cổ tức khá cao cho các cổ đông.

+ Công ăn việc làm và thu nhập của CBCNV ổn định, người lao động yên tâm công tác phấn khởi và cam kết gắn bó lâu dài với Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Năm 2020 là năm có nhiều khó khăn, nhưng HĐQT và Ban điều hành vẫn xác định việc chuyển đổi định hướng trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu lại các hạng mục đầu tư làm nền tảng phục vụ định hướng phát triển lâu dài của Công ty. Chú trọng đầu tư sâu vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đồng thời tăng cường công tác quản trị công ty, sắp xếp công tác, tổ chức lại sản xuất, tích cực thu hồi công nợ. Các chỉ tiêu thực hiện:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm	
		Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
Vốn điều lệ	Triệu đồng	84.000	84.000
Doanh thu thuần	Triệu đồng	867.157	1.000.000
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	30.190	22.000
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	%	3,5	2,2
Tỷ lệ LNST/Vốn đầu tư của CSH	%	30	26
Tỷ lệ chia cổ tức	%	30,55	>20

***Các nhóm giải pháp chính để thực hiện kế hoạch năm 2021:**

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ năm 2021 đề ra; HĐQT tiếp tục thực hiện các giải pháp quản trị điều hành, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty chủ yếu tập trung vào các vấn đề chính như:

1. Chi đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ đưa ra, ban hành kịp thời các chủ trương để chi đạo điều hành các mặt hoạt động đồng thời khắc phục những hạn chế yếu kém của HĐQT còn tồn tại;

2. Nắm bắt chặt chẽ diễn biến của thị trường, đặc biệt trong thời gian dịch Covid-19 đang diễn ra khó lường để có các giải pháp ứng phó linh hoạt. Tập trung quản trị, tìm các giải pháp tốt khắc phục những khó khăn đối với các đơn vị.

3. Quản lý, phát triển và mở rộng các vùng nguyên liệu để đáp ứng cho các nhà máy hoạt động trước mắt và lâu dài, kể cả phía bạn Lào, nghiên cứu đầu tư sâu các sản phẩm của Công ty từ sản phẩm Tinh bột sắn, chế biến gỗ tinh chế, cao su, TACN...

4. Tăng cường quản lý khai thác có hiệu quả các tài sản đã đầu tư; rà soát các định mức kinh tế, kỹ thuật để giảm dần chi phí đối với các nhà máy, có sự so sánh, đảm bảo tính cạnh tranh, đạt hiệu quả cao sau đầu tư.

5. Chủ động hội nhập Quốc tế, tìm kiếm đối tác khách hàng, các nguồn vốn tài trợ của các tổ chức trong và nước ngoài để mở rộng hoạt động sản xuất của các nhà máy, tăng cường quảng bá các dịch vụ du lịch của Công ty, thương hiệu Sepon Group, hỗ trợ tích cực các đơn vị cơ sở và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị tinh giao.

6. Công tác quản lý tài chính phải chặt chẽ, duy trì tốt công tác khoán quản, quản trị kiểm tra kiểm soát, không để công nợ khó đòi phát sinh mới;

7. Tiếp tục chi đạo hoàn thành việc thoái vốn nhà nước còn lại theo đúng lộ trình quy định;

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Số CP đại diện sở hữu nhà nước
1	Hồ Xuân Hiếu	Chủ tịch HĐQT	1.870.422	22,27%	1.900.000
2	Lê Quang Nhật	Thành viên HĐQT	648.020	7,71%	0
3	Lê Văn Thế	Thành viên HĐQT	65.416	0,77	0
4	Lê thị Ngọc Hiền	Thành viên HĐQT không chuyên trách	0	0	0
5	Nguyễn Thị Tiên Lợi	Thành viên HĐQT không chuyên trách	21.148	0,25%	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm qua, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp để ban hành một số nghị quyết, quyết định mang tính chiến lược, đồng thời chỉ đạo điều hành trực tiếp một số công việc liên quan đến việc đầu tư, mua sắm, nâng cấp các hạng mục, dự án như: đầu tư mới dây chuyền sản xuất tinh bột sắn tại Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hóa, mở rộng siêu thị SEPON, cải tạo nâng cấp cây xăng dầu Sepon, quyết định cho thuê mặt bằng tại văn phòng Công ty và khu siêu thị mới xây, phê duyệt các khoản vay để phục vụ tình hình sản xuất kinh doanh. Ngoài ra quyết định một số nội dung tại ĐHĐCĐ và ĐHĐCĐ bất thường năm 2020. Các định hướng chủ trương của HĐQT rất phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong thời kỳ dịch bệnh Covid xảy ra.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị :

No.	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	04/NQ-HĐQT- SEP	14/01/2020	Về việc thông qua vay vốn phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng NNPTNT Quảng Trị	100%
2	06/QĐ- HĐQT	14/01/2020	Giao Kế hoạch năm 2020 cho các đơn vị	100%
3	07/QĐ-HĐQT	25/02/2020	Quyết định bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty	100%
4	08/QĐ-HĐQT	25/02/2020	Quyết định bổ nhiệm lại Phó TGĐ Công ty	100%
5	09/QĐ-HĐQT	25/02/2020	Quyết định bổ nhiệm lại Phó TGĐ Công ty	100%
6	11/NQ-HĐQT	28/02/2020	Nghị quyết về chốt danh sách thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên	100%
7	15/NQ-HĐQT	17/03/2020	Nghị quyết về bổ sung nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên 2020	100%
8	19/NQ-HĐQT	16/04/2020	Quyết định hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020	100%
9	21/QĐ-HĐQT	25/04/2020	Quy chế bầu cử TVHĐQT, BKS	100%
10	22/QĐ-HĐQT	25/04/2020	Ban hành quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ	100%
11	30/QĐ-HĐQT	07/05/2020	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
12	31A/NQ-HĐQT	11/05/2020	Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty	100%
13	32/NQQ-HĐQT	11/05/2020	Bầu chức danh chủ tịch HĐQT Công ty	100%
14	36/QĐ-HĐQT	12/05/2020	Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty	100%

BỘ CÔNG AN

15	39/QĐ-HĐQT	15/05/2020	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty	100%
16	49/QĐ-HĐQT	16/06/2020	Phê duyệt dự án đầu tư TT xăng dầu Thương mại tại 187 Lê Duẩn, Đông Hà	100%
17	52/2020/NQ-HĐQT	17/06/2020	Về việc thông qua vay vốn trung hạn dự án nâng cấp dây chuyền thiết bị tại NMCBTBS Hướng Hóa tại Ngân hàng NNPTNT Quảng Trị	100%
18	54/2020/Q-HĐQT	30/06/2020	Về việc thông qua vay vốn, bảo lãnh tại Ngân hàng NNPTNT Quảng Trị	100%
19	57/NQ-HĐQT	08/07/2020	Về việc đầu tư dây chuyền sản xuất tại Nhà máy TBS Hướng Hóa	100%
20	59/QĐ-CTHĐQT	17/07/2020	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm thương mại SEPON	100%
21	60/QĐ-HĐQT	25/07/2020	Phê duyệt dự án đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất tinh bột sắn, công suất 60 tấn/ngày.	100%
22	62/QĐ-HĐQT	27/07/2020	Quyết định phê duyệt KH đấu thầu dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm thương mại SEPON	100%
23	72/QĐ-HĐQT	14/08/2020	Quyết định phê duyệt kết quả chào giá cạnh tranh khối nhà và bể nước ngầm TT thương mại SEPON	100%
24	73/QĐ-HĐQT	08/08/2020	Quyết định phê duyệt kết quả chào giá cạnh tranh mở rộng nhà xưởng sản xuất, nhà bao che đốt lò tại dây chuyền sản xuất TBS	100%
25	74/QĐ-HĐQT	10/08/2020	Quyết định phê duyệt kết quả chào giá cạnh tranh cung cấp lắp đặt máy móc thiết bị nhập khẩu và chế tạo trong nước cho dây chuyền sản xuất TBS	100%
26	75/QĐ-HĐQT	11/08/2020	Quyết định phê duyệt kết quả chào giá cạnh tranh cung cấp lắp đặt máy móc thiết bị nhập khẩu và chế tạo trong nước thiết bị cụm rửa và	100%

			cụm sấy cho dây chuyền sản xuất TBS	
27	76/QĐ-HĐQT	19/08/2020	Về việc phê duyệt kết quả chào giá cạnh tranh HTPCCC tại TTTM SEPON	100%
28	69/NQ-HĐQT	14/08/2020	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐBT	100%
29	84/QĐ-HĐQT	12/09/2020	Ban hành quy chế làm việc tại ĐHĐCĐBT	100%
30	85/QĐ-HĐQT	12/09/2020	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐBT năm 2020	100%
31	90/NQ-HĐQT	21/09/2020	Về việc thông qua vay vốn tại Ngân hàng TMCP công thương Quảng Trị	100%
32	95/QĐ-HĐQT	2/10/2020	Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư dây chuyền thiết bị SXTBS, công suất 60 tấn/ngày	100%
33	115/QĐ-HĐQT	24/10/2020	Nghị quyết đầu tư mở rộng công trình tại văn phòng c.ty	100%
34	98/QĐ-HĐQT	04/11/2020	Về việc phê duyệt kinh phí và phương án di dời trạm biến áp	100%
35	103/NQ-HĐQT	03/11/2020	Về việc thông qua vay vốn dài hạn dự án đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất tinh bột sắn tại Ngân hàng NNPTNT Quảng Trị	100%
36	104/NQ-HĐQT	03/11/2020	Về việc thông qua thế chấp tài sản tại Ngân hàng NNPTNT Quảng Trị để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất tinh bột sắn	100%
37	106/NQ-HĐQT	20/12/2020	Nghị quyết chốt danh sách thực hiện quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020	100%
38	110/NQ-HĐQT	21/12/2020	Quyết định phê duyệt kinh phí đầu tư hệ thống PCCC tại Nhà máy cao su	
39	112/NQ-HĐQT	21/12/2020	Về việc thông qua vay vốn trung hạn dự án đầu tư nâng cấp, mở	100%

			rộng Trung tâm thương mại SEPON tại Ngân hàng NNPTNT Quảng Trị	
40	113/NQ-HĐQT	21/12/2020	Về việc thông qua thể chấp tài sản tại Ngân hàng NNPTNT Quảng Trị để đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm thương mại SEPON	100%
41	114/QĐ-HĐQT	31/12/2020	Quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty	100%

Năm qua HĐQT đã tổ chức rất nhiều cuộc họp để giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến tất cả các hoạt động của Tổng Công ty, HĐQT đã đưa ra các chủ trương, định hướng kịp thời và hiệu quả. Tất cả các cuộc họp đều mang tính thống nhất cao

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Trong năm HĐQT không tham gia các chương trình về đào tạo quản trị.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
	Mai Chiếm Hùng	Trưởng ban kiểm soát	22.095	0,26
	Nguyễn Tùng Hưng	Thành viên ban kiểm soát	5.000	0,059
	Trần Thị Thanh Phương	Thành viên ban kiểm soát	6.641	0,079

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Các cuộc họp:

No.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	27/03/2020	Thông qua dự thảo báo cáo của ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020	100%

02	12/05/2020	Bầu Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025	100%
03	28/05/2020	Thông qua quy chế hoạt động, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2020 – 2025 và kế hoạch giám sát năm 2020, phân công nhiệm vụ cho các thành viên	100%
04	22/9/2020	Lên kế hoạch giám sát và triển khai kiểm tra xử lý đơn kiến nghị của cổ đông, người lao động tại Nhà máy cao su	100%
05	31/12/2020	Tổng kết công tác hoạt động của Ban kiểm soát và dự thảo chương trình kế hoạch hoạt động cho năm 2021	100%

** Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:*

Năm qua, Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ bầu thay thế 1 thành viên ban kiểm soát mới theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp quy định;

Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất, thường xuyên lấy ý kiến thông qua họp trực tiếp, điện thoại, thư điện tử, thống nhất thực hiện các nội dung công việc; rà soát bổ sung quy chế hoạt động, xây dựng chương trình kiểm tra giám sát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.

Triển khai kiểm tra, giám sát việc chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, các quyết định của HĐQT & Ban TGD trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm, sửa chữa của Tổng công ty;

Đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, kịp thời trong công tác quản lý, điều hành;

Xem xét tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC;

Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban TGD và các phòng ban, đơn vị cơ sở để nắm thông tin và tham gia ý kiến trong các cuộc họp;

Tham gia hoàn thiện để ban hành các quy chế quy định của Tổng công ty;

Thẩm định báo cáo tài chính, thẩm định quỹ lương, thực hiện một số công việc của Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông giao theo quy định;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích : Đơn vị tính: đồng

STT	Thành viên	Chức vụ	Thu nhập
1	Hồ Xuân Hiếu	Chủ tịch HĐQT	1.380.565.000
2	Lê Quang Nhật	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	1.149.504.000
3	Lê Văn Thế	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	1.229.485.000
4	Nguyễn Thị Tiên Lợi	Thành viên HĐQT	128.052.000
5	Lê Thị Ngọc Hiền	Thành viên HĐQT	72.205.000
6	Phan Chí Ngang	Thành viên HĐQT	415.157.000
7	Mai Chiếm An	Thành viên HĐQT	353.84.000
8	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	Kế toán trưởng	778.023.000
9	Mai Chiếm Hùng	Trưởng ban kiểm soát	585.225.000
10	Nguyễn Tùng Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	115.764.000
11	Trần Thị Thanh Phương	Thành viên Ban kiểm soát	175.428.000
12	Nguyễn Đức Hải	Thành viên Ban kiểm soát	277.403.000
	Cộng		6.660.651.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Mai Chiếm An	Người nội bộ	460.056	5,1%	5.056	0,06%	Giao dịch chuyển nhượng qua hệ thống
2	Lê Quang Nhật	Người nội bộ	348.020	4,14	648.020	7,7%	Giao dịch chuyển nhượng qua hệ thống

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Năm qua Hội đồng quản trị thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước về Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2020:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Bản cứng đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng tải lên website Công ty.

Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GDCKHN
- CB website Cty
- Lưu: VT, BCK

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**



Hồ Xuân Hiếu